

Hội Thánh Được Phước

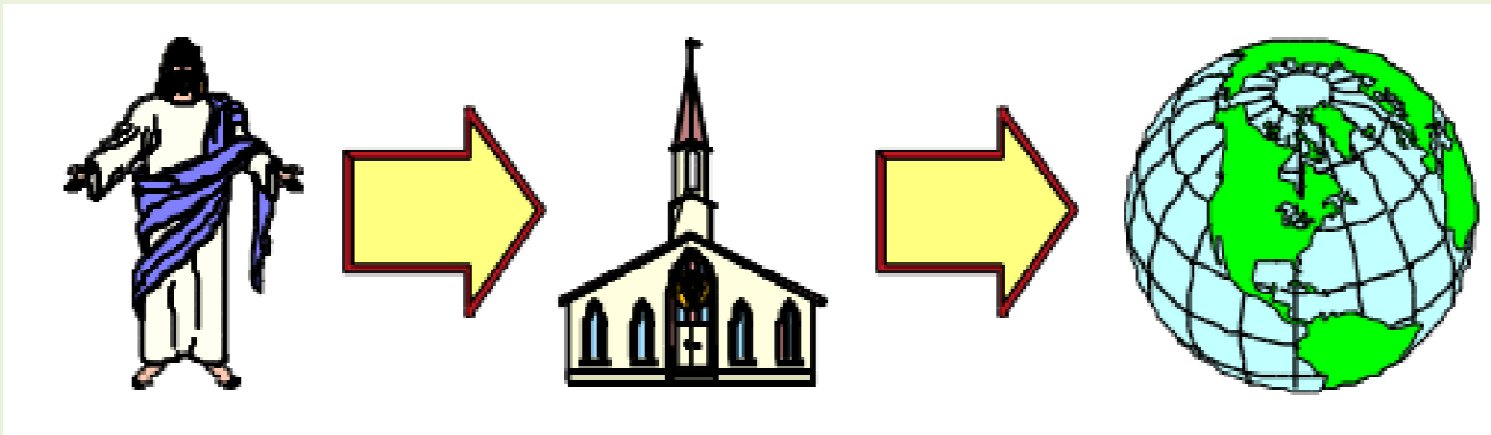
A Blessed Church

Công Vụ Atcs 2:42-47

Đại Mạng Lệnh của CHÚA GIÊ-SU
Jesus' Great Commandment

*19 Vậy, hãy đi làm cho muôn dân thành môn đệ Ta, làm phép báp-tem cho họ nhân danh Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh, 20 **dạy họ giữ mọi điều Ta đã truyền cho các con.** Và này, Ta hằng ở cùng các con luôn cho đến tận thế.”*

*Therefore go and make disciples of all nations, baptizing them in the name of the Father and of the Son and of the Holy Spirit, ²⁰ and **teaching them to obey everything I have commanded you.** And surely I am with you always, to the very end of the age.”*



Nguyên tắc tâm linh thực hành cho hội thánh

Practical spiritual principles to guide the church

- 1. Tâm tình Truyền Giáo** (*Đi và Nói → Đến và Xem*)
 - The Heart (Culture) of Mission (Go and Tell →
→Come and See)
- 2. Quyền năng bởi Phúc Âm**
 - Power by the Gospel
- 3. Hiệp một trong tình yêu thương Đấng Christ**
 - Unity in the Love of Christ

ĐI & NÓI – GO & TELL

➔ ĐẾN & XEM – COME & SEE

Công vụ *Acts* 2:42

Họ chuyên cần giữ lời giáo huấn của các sứ đồ, sự thông công với anh em, lễ bẻ bánh và các buổi cầu nguyện. (BDM)

They devoted themselves to the apostles' teaching and to fellowship, to the breaking of bread and to prayer (NIV)

Hội Thánh Được Phước

A Blessed Church

1. Một Tâm Linh Hướng Thượng – *A sacred mentality*
2. Một Cộng Đồng Gắn Bó – *An engaged community*
3. Một Lòng Hiếu Khách Vui Vẻ - *A joyful hospitality*
4. Một Cộng Đồng Cầu Nguyện – *A praying community*

1. Một Tâm Linh Hướng Thượng – A sacred mentality

*“Họ **chuyên cần** giữ lời giáo huấn của các sứ đồ”*

*“They **devoted** themselves to the apostles’ teaching”*

1. Một Tâm Linh Hướng Thượng – A sacred mentality

“Họ chuyên cần giữ lời giáo huấn của các sứ đồ”

“They devoted themselves to the apostles’ teaching”

...Các sứ đồ đã tự hiến mình để giảng dạy những điều căn bản nền tảng của đức tin

...The apostles gave themselves to teaching the basic foundation of the faith

2. Một Cộng Đồng Gắn Bó – An engaged community

“sự thông công với anh em - and to fellowship”

*Thông công – “**Koinonia**” – fellowship*

2. Một Cộng Đồng Gắn Bó – *An engaged community*

- Sự thông công của Hội thánh ban đầu dựa trên sự dạy dỗ của Đấng Christ Phục sinh
- *The early church fellowship was based on the teaching of the risen Christ*

2. Một Cộng Đồng Gắn Bó – **An engaged community**

- Hội thánh chỉ trải nghiệm được mối thông công chân thật khi hội thánh đặt trọng tâm vào việc giảng dạy lời Chúa.
- **A church only experiences authentic fellowship when it places emphasis on teaching the word of God.**

3. Một Lòng Hiếu Khách Vui Vẻ - **A joyful hospitality**

“lễ bẻ bánh - to the breaking of bread”

... những mối quan hệ xung quanh bàn ăn

... **to relationships around the table**

3. Một Lòng Hiếu Khách Vui Vẻ - *A joyful hospitality*

“lễ bẻ bánh - to the breaking of bread”

... Hội Thánh cùng chia sẻ Tiệc Thánh

... *A church that also shared the Table.*

3. Một Lòng Hiếu Khách Vui Vẻ - *A joyful hospitality*

“lễ bẻ bánh - to the breaking of bread”

- Sự thông công theo Lời CHÚA phải là một đặc điểm của hội thánh ngày nay.
- *Biblical fellowship should be a characteristic of the church today.*

4. Một Cộng Đồng Cầu Nguyện - **A praying community**

“... và các buổi cầu nguyện. - and to prayer”

Họ **chuyên cần** trong sự cầu nguyện
They devoted themselves to prayer



*Mỗi ngày, Chúa tăng thêm số người **được cứu**.
(Công vụ 2:47)*

*And the Lord added to their number daily those
who were **being saved**. (Acts 2:47)*

Hội Thánh Được Phước

A Blessed Church

1. Một Tâm Linh Hướng Thượng – *A sacred mentality*
2. Một Cộng Đồng Gắn Bó – *An engaged community*
3. Một Lòng Hiếu Khách Vui Vẻ - *A joyful hospitality*
4. Một Cộng Đồng Cầu Nguyện – *A praying community*

Xin cầu nguyện
Let's Pray

